

Số: 15/2019/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ, chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 11**

(Từ ngày 03/12/2019 đến ngày 05/12/2019)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐT BXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 9/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

Xét Tờ trình số 260 /TTr-UBND ngày 20/11/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết “Quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ, chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội HĐND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ, chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập thuộc Đề án thí điểm (sau đây viết tắt là các cơ sở cai nghiện ma túy) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

- Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại Hà Nội tự nguyện điều trị nghiện ma túy với thời gian tối thiểu là 06 (sáu) tháng tại các cơ sở cai nghiện ma túy do UBND Thành phố quyết định thành lập hoặc cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện thành lập theo quy định tại Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện và Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ và thực hiện đảm bảo toàn bộ quy trình cai nghiện phục hồi theo Thông tư số 41/2010/TTLT-BLĐTĐBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Liên Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội-Y tế.

Điều 2. Quy định chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

a) Mức ngân sách Thành phố hỗ trợ

- Tiền ăn: bằng 0,56 mức lương cơ sở/người/tháng
- Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: bằng 0,315 mức lương cơ sở/người/ 6 tháng.
- Tiền thuốc điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần bằng: 450.000 đồng/người/6 tháng.

- Hỗ trợ 100% kinh phí đóng góp đối với các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người chưa thành niên; người nhiễm HIV/AIDS, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

b) Mức đóng góp:

- Tiền ăn: bằng 0,24 mức lương cơ sở/người/tháng
- Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: bằng 0,135 mức lương cơ sở/người/ 6 tháng.
- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS), chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 200.000 đồng/người/6 tháng.

2. Đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức: 450.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn.
- Kinh phí hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội được bố trí trong dự toán ngân sách Thành phố giao cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội hàng năm.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế quy định về mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tại tiểu mục 3.4 mục 3 Phụ lục số 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố; thay thế nội dung tiền ăn, tiền vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết, tiền thuốc cắt cơn và chữa bệnh thông thường, xét nghiệm phát hiện chất ma túy, chế độ miễn kinh phí đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tại tiểu mục a, b, c mục 3 Phụ lục số 05 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố (các tiểu mục, mục thay thế, bãi bỏ chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).

2. Thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập đến hết năm 2020 theo Đề án thí điểm do Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng trên cơ sở Hướng dẫn chuyên môn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XV kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 04/12/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020. /

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Y tế, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, LĐTB&XH;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn ĐB Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU Hà Nội;
- Các VP: Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành, Tổ chức chính trị xã hội Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT Thành phố, Công báo TP;
- Lưu: VT



Nguyễn Thị Bích Ngọc



DANH MỤC RA SOÁT MỨC CHI HẾT HIỆU LỰC CHO CÔNG TÁC CẢI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố)

| TT | Nội dung | Tên tiêu mục hết hiệu lực | Ghi chú |
|----|--|---------------------------|---|
| I | Quy định tại Phụ lục số 05 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND | | |
| 1 | Mức ngân sách hỗ trợ | Tiêu mục a, Mục | |
| - | Tiền ăn: 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng | | Hết hiệu lực |
| - | Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 0,3 lần mức lương cơ sở/người/ 6tháng | | Hết hiệu lực |
| - | Tiền thuốc cắt cơn, và chữa bệnh thông thường, xét nghiệm phát hiện chất ma túy: 450.000 đồng/người/6 tháng | | Hết hiệu lực |
| 2 | Quy định mức đóng góp | Tiêu mục b, Mục | |
| - | Tiền ăn: 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng | | Hết hiệu lực |
| - | Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 0,15 lần mức lương cơ sở/người/ 6tháng | | Hết hiệu lực |
| - | Tiền thuốc cắt cơn, và chữa bệnh thông thường, xét nghiệm phát hiện chất ma túy: 200.000 đồng/người/6 tháng | | Hết hiệu lực |
| 3 | Chế độ miễn, giảm | Tiêu mục c, Mục | |
| - | Miễn | | Hết hiệu lực |
| II | Quy định tại Phụ lục số 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND | | |
| | Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy. | Tiêu mục 3.4 Mục 3 | Thay thế (khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch số 148/2014/T TLT-BTC-BLĐTBXH) |